

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2017/HS-ST
Ngày 23 tháng 8 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Trọng Hoàn.

Ông Nguyễn Hữu Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Tuyển - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2017/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/HSST-QĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Lại Văn T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Xóm 5, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Lại Văn T và bà Lại Thị T; vợ con: Chưa có; tiền án: Ngày 26/5/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam ngày 02/5/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Lại Văn Đ, sinh năm 1997. Nơi cư trú: Xóm 1, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; con ông Lại Ngọc H (tức Lại Văn H) và bà Trịnh Thị H; vợ con: Chưa có; tiền án: Ngày 23/12/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Hà Nam, xử phạt 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 02/5/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

3. Lê Văn Q, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Lê Văn L và bà Hoàng Thị H; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/4/2013 bị Công an huyện T, tỉnh Hà Nam xử phạt hành

chính 3.000.000đ về hành vi “Vận chuyển pháo nổ”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/4/2017 đến ngày 09/5/2017 được tại ngoại; có mặt.

- Người bị hại:

1. Anh Lê Xuân T, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện T tỉnh Hà Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Anh Trịnh Tiến H, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Đào Văn H (tên gọi khác H), sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Anh Trần Trung K, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn Q, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N, tỉnh Nam Định, đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Anh Lại Văn Đ1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Xóm 1, xã L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

4. Ông Lê Văn L, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

- Người làm chứng: Anh Lê Thành Đ, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân, Lại Văn T đã tự chế 01 chiếc vạm phá khóa hình L, rủ Lại Văn Đ đi trộm cắp xe mô tô bán lấy tiền. Cả hai cùng thực hiện 03 vụ trộm cắp xe mô tô, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 19 giờ ngày 01/4/2017, T mang theo vạm phá khóa điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave α BKS 90B2-333... do Đ mượn của anh Lại Văn Đ, cả hai đi theo Quốc lộ 1A đến đoạn đường liên thôn qua cánh đồng thuộc địa phận thôn C, xã L, huyện T, tỉnh Hà Nam, T phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 90B2-026... dựng ở lề đường đang nổ máy, bật đèn pha. Quan sát xung quanh thấy vắng người, T điều khiển xe đến gần để Đ xuống lấy chiếc mô tô BKS 90B2-026... của gia đình chị Nguyễn Thị T và điều khiển chạy theo hướng thành phố P, T điều khiển xe 90B2-333... theo sau. Khi đến khu vực Trường Phổ thông trung học (PTTH) chuyên Biên Hòa cả hai dừng lại, Đ tháo Biển kiểm soát xe mô tô 90B2-026... đưa cho T. T gọi điện

thoại cho Lê Văn Q nói có xe mô tô cần bán và mô tả đặc điểm xe đồng thời đưa ra giá 5.000.000đ. Q biết xe do T trộm cắp được nhưng vẫn đồng ý mua và trả 4.700.000đ. T nhất trí bán, sau đó điều khiển xe mô tô trộm cắp được cầm theo chiếc BKS 90B2-026... còn Đ điều khiển xe BKS 90B2-333... đến khu vực gầm cầu vượt thuộc địa phận thôn T, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; T ném Biển kiểm soát xuống cống xả nước rồi cả hai quay lại khu vực Trường PTTH chuyên Biên Hòa đợi Q. Sau khi thỏa thuận mua bán xe với T, Lê Văn Q gọi điện thoại cho anh Đào Văn H thông báo có xe mô tô muốn bán, do có nhu cầu mua xe, anh H đi cùng với Q đến địa điểm đã hẹn gặp T. Theo anh H khai sau khi xem xe, anh H thỏa thuận mua xe với giá 9.000.000đ, Q nhất trí bán, anh H hỏi giấy tờ và Biển kiểm soát xe, Q nói đang mang đi cầm cố, anh H thống nhất trả trước cho Q số tiền 5.000.000đ khi nào Q mang giấy tờ và Biển kiểm soát đến sẽ trả số tiền còn lại. Bản thân Q khai bán xe mô tô cho anh H với giá 5.000.000đ, sau đó trả cho T 4.700.000đ. Số tiền bán xe, T và Đ cùng nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ hai: Khoảng 20 giờ ngày 21/4/2017, T mang theo vạm phá khóa, điều khiển xe mô tô Wave α BKS 90B2-333... chở Lại Văn Đ tới quán thịt chó của anh Phạm Văn T ở số nhà 92 tiểu khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam, phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 29E1- 367... của anh Trịnh Tiến H dựng trước cửa quán. Quan sát xung quanh thấy không có người, Đ lấy vạm phá khóa trong người T tra vào ổ khóa điện xe mô tô BKS 29E1-367..., vặn theo chiều kim đồng hồ, mở được khóa điện, Đ điều khiển xe đi về hướng thành phố P, T điều khiển xe mô tô BKS 90B2-333... theo sau. Lúc này anh H ở trong quán đi ra phát hiện liền tri hô nhưng không bắt được. Sau khi lấy được xe cả hai đi về khu vực đường 42m gần Trường PTTH chuyên Biên Hòa thì dừng lại, đổi xe cho nhau. T gọi điện thoại cho Q mô tả về đặc điểm chiếc xe vừa trộm cắp được và nói giá bán 5.000.000đ, Q trả 4.500.000đ, hẹn ngày hôm sau lấy xe. T đồng ý bán, đến khoảng 12 giờ ngày 22/4/2017, Q gọi điện thoại liên lạc và hẹn địa điểm, T điều khiển xe mô tô ra bãi đất trống phía sau quán Karaoke Thanh Hà thuộc địa phận tổ 8, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam đưa xe cho Q. Theo Q khai sau khi thỏa thuận xong, Q đã liên hệ với anh Đào Văn H thông báo có xe muốn bán và điều khiển đi đến khu vực ga B bán lại cho 01 nam thanh niên đi cùng với anh H, Q không biết tên tuổi địa chỉ với giá 5.500.000 đồng. Anh H khai được Q gọi điện thông báo song do chưa có tiền nên anh H đã giới thiệu và đưa số điện thoại của Q cho anh Trần Trung K tự liên hệ mua xe. Anh Trần Trung K khai: Sau khi được anh H giới thiệu, đã liên hệ và đến địa điểm gần khu vực ga B và xem xe, anh K đã thỏa thuận mua với giá 9.000.000đ; do Q nói Biển kiểm soát và giấy tờ xe đang cầm cố nên anh K trả trước số tiền 5.500.000đ và thống nhất khi nào Q đưa giấy tờ xe và Biển kiểm soát sẽ trả số tiền còn lại. Bán xe xong, Q đưa cho T số tiền 4.500.000đ còn Q hưởng lợi 1.000.000đ. Nhận được tiền, T gọi điện cho Đ đến đón, cả hai điều khiển xe mô tô chở nhau đi ra khu vực cầu vượt thuộc địa phận thôn T, phường L, thành

phố P, tỉnh Hà Nam ném chiếc BKS 29E1- 367... xuống cống xả nước, số tiền bán xe cả hai ăn tiêu hết.

Vụ thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 28/4/2017, T mang theo vạm phá khóa, điều khiển xe mô tô Wave α BKS 90B2-333... chở Đ đến khu vực thôn V, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định, cả hai phát hiện chiếc xe mô tô Wave màu xanh BKS 18D1-326... dừng ở lề đường bên trái của anh Lê Xuân T. T bảo Đ “có xe kìa”, T ngồi quan sát xung quanh để cảnh giới. Đ xuống xe lấy vạm phá khóa trong người T, tra vào ổ khóa điện vặn theo chiều kim đồng hồ mở được khóa điện, Đ lên xe nổ máy điều khiển đi về hướng thành phố P, T theo sau. Khi về đến thành phố P cả hai dừng lại đổi xe cho nhau, Đ điều khiển xe mô tô BKS 90B2-333... đi về nhà. T gọi điện cho Q thông báo có xe và thỏa thuận giá 6.000.000đ, Q nhất trí mua và hẹn ngày hôm sau lấy xe. T điều khiển xe mô tô BKS 18D1-326... đến khu vực tổ dân phố M, phường L, thành phố P thuê nhà nghỉ, sau đó đi ra khu vực cầu vượt thuộc địa phận phường L, thành phố P tháo chiếc BKS 18D1-326... ném xuống cống xả nước rồi quay lại nhà nghỉ ngủ. Đến khoảng 13 giờ ngày 29/4/2017, T liên lạc với Q hẹn địa điểm giao xe ở khu vực Siêu thị M. Q điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream BKS 90H1-75... đến nhà Lê Thành Đ ở tổ dân phố T, phường T, thành phố P rủ đi cùng, cả hai đến khu vực cổng Siêu thị M, Q đưa xe mô tô cho Đ và bảo Đ đứng đợi. Q đi tới địa điểm đã hẹn với T, nhận xe mô tô và hẹn khi bán được xe sẽ quay lại đưa tiền cho T, Q điều khiển xe mô tô đi về hướng Nam Định và gọi điện chỉ dẫn cho Đ điều khiển xe mô tô Dream đi theo. Khi đến địa phận xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Nam làm nhiệm vụ tuần tra yêu cầu dừng xe để kiểm tra, do cả hai không xuất trình được giấy tờ nên bị tổ tuần tra đưa về Trụ sở Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam để làm rõ.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Q khai nhận mua chiếc xe mô tô do Lại Văn T trộm cắp mà có. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam đã ra lệnh bắt, khám xét khẩn cấp chỗ ở, đồ vật đối với Lê Văn Q, Lại Văn T và Lại Văn Đ.

Vật chứng thu giữ gồm: Thu của Lê Văn Q 01 xe mô tô Wave không đeo BKS số khung 033..., số máy 7033...; 01 xe mô tô nhãn hiệu Dream BKS 90H1-75...; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280; thu của Lại Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu CoolCel I6; thu của Lại Văn Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α không đeo BKS, số khung 1253FY340..., số máy HC12E7340... bên trong cốp xe có chiếc BKS 90B2-333...; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 2690.

Ngày 28/4/2017, anh Đào Văn H tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave RSX không đeo BKS, số khung RLHJA3103EY057..., số máy JA32E1128...; ngày 27/4/2017, anh Trần Trung K tự nguyện giao nộp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave không đeo BKS, số khung 458..., số máy 5091....

Đối với chiếc vạm phá khóa là công cụ sử dụng để phá khóa xe, theo Lại Văn Đ khai sau khi chiếm đoạt được xe mô tô BKS 18D1-326... của anh Lê Xuân T, trên đường đi bị rơi mất và không xác định được địa điểm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam không thu giữ được.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 08/2017/KL-ĐGTS ngày 05/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Hà Nam kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX đã qua sử dụng, không đeo Biển kiểm soát, số máy JA32E1128..., số khung RLHJA3203EY057..., trị giá: 10.000.000đ; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave đã qua sử dụng, không đeo Biển kiểm soát, số máy 5091..., số khung 458... trị giá 9.000.000đ; xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave đã qua sử dụng, không đeo Biển kiểm soát, số máy HC12E7033..., số khung 1250FY033..., trị giá 9.000.000đ. Tổng giá trị tài sản: 28.000.000đ (Hai mươi tám triệu đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản mà các bị cáo trộm cắp được cho các bị hại. Sau khi nhận lại tài sản, những người bị hại không đề nghị gì. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave α BKS 90B2-333... thu giữ của Lại Văn Đ, tài liệu điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Lại Văn Đ1 (anh trai Đ). Khi cho Đ mượn xe, anh Đ1 không biết mục đích Đ sử dụng làm phương tiện phạm tội, Cơ quan điều tra trả lại cho anh Lại Văn Đ1. Anh Đào Văn H yêu cầu Lê Văn Q trả lại số tiền 5.000.000đ; anh Trần Trung Kiên yêu cầu Lê Văn Q trả lại số tiền 5.500.000đ. Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại Cáo trạng số 19/KSĐT ngày 27 tháng 7 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, truy tố Lại Văn T, Lại Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự, truy tố Lê Văn Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lại Văn T, Lại Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”, Lê Văn Q phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Điều 53; Điều 45; Điều 30 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Lại Văn T từ 24 đến 30 tháng tù, phạt bổ sung từ 3 đến 5 triệu đồng; Lại Văn Đ từ 18 đến 24 tháng tù, phạt bổ sung từ 2 đến 3 triệu đồng; Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 250; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 30 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Lê Văn Q từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách từ 24 đến 36 tháng, phạt bổ sung từ 3 đến 5 triệu đồng. Buộc Lê Văn Q trả anh Trần Trung K số tiền 5.500.000đ. Trả lại cho ông Lê Văn L 01 xe mô tô BKS 90H1- 75...; trả lại cho Lê Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án dân sự; tịch thu xung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động

nhãn hiệu Nokia 2690; 01 điện thoại di động hiệu CoolCel I6; 01 điện thoại di động hiệu Nokia 1280.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án, tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với vật chứng thu giữ được cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, Lại Văn T và Lại Văn Đ đã lén lút, lợi dụng sự mất cảnh giác của các bị hại đã chiếm đoạt của gia đình chị Nguyễn Thị T chiếc xe mô tô BKS 90B2-026..., trị giá 10.000.000đ; chiếm đoạt của anh Trịnh Tiến H chiếc xe mô tô BKS 29E1-367..., trị giá 9.000.000đ, sau đó T bán chiếc xe trộm cắp của chị T cho Lê Văn Q được 4.700.000đ, Q bán lại cho anh Đào Văn H 5.000.000đ và T bán chiếc xe của anh H cho Q được 4.500.000đ, Q bán lại cho anh Trần Trung K 5.500.000đ.

Ngoài ra, T và Đ còn lén lút dùng vạm phá ổ khóa điện chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 18D1-326... của anh Lê Xuân T trị giá 9.000.000đ, sau đó T bán cho Lê Văn Q với giá 6.000.000đ, Lê Văn Q mang đi tiêu thụ thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Hà Nam phát hiện bắt giữ.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo đều có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bản thân Lê Văn Q biết rõ 03 chiếc xe mô tô do T, Đ trộm cắp được mà có, song vẫn mua để bán thu lời bất chính. Do vậy, đủ căn cứ khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam truy tố Lại Văn T, Lại Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự và truy tố Lê Văn Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng: Hành vi trộm cắp tài sản, Lại Văn T là người khởi xướng, chuẩn bị công cụ, tích cực thực hiện hành vi phạm tội nên giữ vai trò thứ nhất; Lại Văn Đ là người bị rủ rê, lôi kéo và trực tiếp tham gia thực hiện tội phạm một cách đến cùng nên giữ vai trò thứ hai. Đối với Lê Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Xét nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Về nhân thân: Các bị cáo Lại Văn T, Lại Văn Đ đều có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích; bị cáo Lê Văn Q bị Công an huyện T xử phạt hành chính 3.000.000đ về hành vi vận chuyển pháo nổ ngày 29/4/2013 (bị cáo đã thi hành xong).

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo T, Đ đều phải chịu tình tiết phạm tội nhiều lần và thuộc trường hợp tái phạm, còn bị cáo Q phải chịu tình tiết phạm tội nhiều lần; được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn, hối cải, bản thân bị cáo T tham gia nghĩa vụ quân sự, hoàn thành nhiệm vụ và có bà ngoại là Trịnh Thị Q được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhất; bị cáo Đ có bố đẻ là Lê Ngọc H được tặng thưởng Huy chương chiến sỹ vẻ vang; Bằng khen và Giấy khen của Trung đoàn 89, Bộ Quốc phòng; bị cáo Q tham gia nghĩa vụ quân sự, hoàn thành nhiệm vụ và có bà nội là Phan Thị N được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì; đây là những tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Q trước khi xét xử đã hoàn lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt. Do vậy, Q được hưởng thêm tình tiết bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự.

Qua xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo T, bị cáo Đ khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đối với bị cáo Lê Văn Q chưa có tiền án, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự và có nơi cư trú rõ ràng. Vì vậy, không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục là phù hợp với Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo T, Đ đều có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” và liên tục thực hiện hành vi phạm tội nên cần áp dụng khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với T và Đ. Riêng Lê Văn Q hiện đang đi học nghề nên miễn hình phạt bổ sung là phù hợp pháp luật.

[4] Đối với anh Đào Văn H và anh Trần Trung K là những người mua xe mô tô do Lê Văn Q bán, anh H và anh K không biết tài sản do trộm cắp được mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam không xử lý trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản, nay không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, song cần buộc bị cáo Q phải trả cho anh Trần Trung K số tiền 5.500.000đ do bị cáo bán xe trộm cắp cho anh Kiên và ghi nhận bị cáo Q đã nộp 5.500.000đ, tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam theo biên lai số 03090, ngày 16/8/2017, sau này được đối trừ khi thi hành án. Riêng số tiền 5.000.000đ, bị cáo Q bán xe cho anh Đào Văn H, bị cáo đã trả anh H ngày 11/8/2017, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam, anh H đã nhận đủ và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Các điện thoại di động nhãn hiệu Coolcel I6 vỏ màu đen bạc, trong máy có lắp sim Vinaphone và sim Viettel; điện thoại nhãn hiệu Nokia 2690, trong máy có lắp 01 sim và điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen là công cụ để các bị cáo liên lạc khi thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước; chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Sonny màu đen thu giữ của Lê Văn Q, bên trong có lắp một sim Viettel và một sim Vinaphone không liên quan đến vụ án nên trả lại cho Q, song tạm giữ để đảm bảo thi hành án dân sự. Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Super Dream, màu sơn nâu, BKS: 90H1-75... là xe của ông Lê Văn L, khi Q sử dụng làm phương tiện phạm tội ông L không biết. Do vậy, trả lại cho ông L là phù hợp pháp luật. Riêng chiếc vạm phá khóa các bị cáo đánh mất trên đường đi nên không có căn cứ xử lý.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lại Văn T, Lại Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Lê Văn Q phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 45; Điều 20; Điều 53; Điều 30 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

- Bị cáo Lại Văn T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2017.

- Bị cáo Lại Văn Đ 18 (Mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/5/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 45 và Điều 60 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/8/2017).

Giao bị cáo Lê Văn Q cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 138 của Bộ luật Hình sự; phạt các bị cáo Lại Văn T và Lại Văn Đ mỗi bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật Hình sự; buộc bị cáo Lê Văn Q phải trả anh Trần Trung K số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng). Ghi nhận số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo Q đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam theo biên lai số 03090 ngày 16/8/2017.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 03 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại loại máy thẳng, nhãn hiệu Coolcel I6 vỏ màu đen bạc, imel1: 355200063463506, imel2: 355200063463514, trong máy có lắp sim Vinaphone và sim Viettel; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 2690, loại máy thẳng vỏ màu đen, không có nắp lưng sau máy, camera sau bị mất, imel: 353387044238107, trong máy có lắp 01 sim, trên sim có ghi các dãy số 1610124689738; 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen, imel: 359748/04/700393/5.

- Trả lại Lê Văn Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sonny màu đen, bên trong có lắp một sim Viettel và một sim Vinaphone nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án dân sự.

- Trả lại ông Lê Văn L 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Super Dream, màu sơn nâu, gắn BKS 90H1-75..., số máy: 0890827, số khung: 040842, loại xe cũ đã qua sử dụng.

Tình trạng vật chứng như biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam với Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam ngày 11/8/2017.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lại Văn T, Lại Văn Đ và Lê Văn Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV & THAHS Tòa án tỉnh Hà Nam;
- Các bị cáo; Những người bị hại;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Bộ phận HCTP; Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Đức Thủy